

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89/2026/HNGĐ-ST**
Ngày: 27/03/2026
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Thu Thủy

Ông Trương Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Lệ Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Hồ Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ HKTT: Thôn T, xã P, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ nơi ở hiện nay: Khối S, phường T, tỉnh Nghệ An. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

2. *Bị đơn:* ông Phạm Kim N, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Hồ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Hồ Thị L và ông Phạm Kim N tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An (cũ). Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất hòa mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N nghi ngờ bà L có mối quan hệ tình cảm với

người khác, ông N đánh, đuổi mẹ con bà N ra khỏi nhà; ông N cũng thường xuyên uống rượu và mỗi lần uống rượu đều rượt đuổi 03 mẹ con bà, hiện nay vợ chồng bà không còn chung sống với nhau, tình cảm không còn. Bà thấy vợ chồng bà không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về nuôi con chung: Vợ chồng bà có 2 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 01/05/2012 và Phạm Thùy D, sinh ngày 04/06/2014. Bà L hiện đang là giáo viên, thu nhập ổn định 13.000.000 đồng/tháng, bà đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con, các con cũng có nguyện vọng được ở với bà. Do đó, khi ly hôn bà L có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 2 con chung cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà L tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An (cũ). Trong thời gian chung sống vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà L có nhiều mối quan hệ phức tạp. Nay bà L yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về nuôi con chung: vợ chồng ông có 2 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 01/05/2012 và Phạm Thùy D, sinh ngày 04/06/2014. Ông N hiện đang làm công trình điện nước tự do, thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/tháng, có nhà ở ổn định, có thu nhập khác từ đất rừng. Khi ly hôn ông có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 2 con chung cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật;

Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hồ Thị L và ông Phạm Kim N; về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao 02 con chung Phạm Gia H, sinh ngày 01/05/2012 và Phạm Thùy D, sinh ngày 04/06/2014 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết. Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà Hồ Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phạm Kim N có nơi cư trú tại thôn T, xã P, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng là đúng quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Hồ Thị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị L và ông Phạm Kim N tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

Xét thấy, trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà L và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông N nghi ngờ bà L có nhiều mối quan hệ phức tạp, vợ chồng không tin tưởng, không tôn trọng nhau, có hành động lời nói xúc phạm và xô xát nhau, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải để các đương sự đoàn tụ gia đình nhưng tại phiên hòa giải các đương sự đã thống nhất ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà L và ông N.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng bà L và ông N có 2 con chung Phạm Gia H, sinh ngày 01/05/2012 và Phạm Thùy D, sinh ngày 04/06/2014. Bà L và ông N đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, bà L hiện nay đang là giáo viên, mức thu nhập ổn định 13.000.000 đồng/tháng, ông N hiện nay đang làm nghề điện nước tự do, thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/tháng, hai bên đều đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con, nguyện vọng được nhận nuôi con của các bên đều chính đáng. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà N và ông L thường xuyên xảy ra bất hòa, mâu thuẫn, đánh đập nhau gây ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các con nên bà L đã đưa các con về ở với ông bà ngoại ở Nghệ An. Hiện nay các con đang sinh sống, học tập ổn định tại Nghệ An, các con đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ, các con được bà L nuôi dạy tốt và phát triển bình thường. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung Phạm Gia H và Phạm Thùy D cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp quy định của pháp luật.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: bà Hồ Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị L, **xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hồ Thị L và ông Phạm Kim N.

Về nuôi con chung: Giao 02 con chung Phạm Gia H, sinh ngày 01/05/2012 và Phạm Thùy D, sinh ngày 04/06/2014 cho bà Hồ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Hồ Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007798 ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mận

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam.
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Ninh .
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mận

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../2017/QĐST-HNGĐ

Phú Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
HOÃN PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sỹ.

2. Bà Huỳnh Thị Bích Phi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Triệu Tin - Kiểm sát viên.

Đã tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 175/2016/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2016 về việc “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, trách nhiệm trả nợ chung khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Xét thấy bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 175/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017.

2. Thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa xét xử vụ án được ấn định như sau:

Phiên tòa dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 14 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: Thị

trấn Phú Thịnh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Nơi nhân:

- Anh Lý;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 49-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định hoãn phiên tòa; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định hoãn phiên tòa (ví dụ: Số: 89/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi họ tên của Thư ký Tòa án và tên Tòa án nơi thư ký Tòa án công tác như hướng dẫn tại điểm (1).

(4) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(5) Ghi số, ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 30/2017/TLST-LĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(7) Ghi số, ngày, tháng, năm của Quyết định đưa vụ án ra xét xử (ví dụ: số 02/2017/QĐXXST-LĐ ngày 20 tháng 01 năm 2017).

(8) Ghi rõ lý do của việc hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm thuộc trường hợp cụ thể nào quy định tại điều luật tương ứng của Bộ luật tố tụng dân sự được nêu tại khoản 1 Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: Xét thấy nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất vì lý do tai nạn lao động).

(9) Tuỳ từng trường hợp cụ thể mà ghi điều luật tương ứng của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: nguyên đơn vắng mặt lần thứ nhất có lý do chính đáng (bị tai nạn lao động phải đi cấp cứu tại bệnh viện) quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì ghi: “Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự”).

(10) Ghi rõ thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa dân sự sơ thẩm (ví dụ: Phiên tòa dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 08.00 giờ ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận 1, thành phố H), địa chỉ số....phố...phường....quận 1, thành phố H. Trong trường hợp chưa ấn định được thì ghi “Thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa xét xử vụ án sẽ được Tòa án thông báo sau”.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Tại:⁽²⁾

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sỹ.
2. Bà Huỳnh Thị Bích Phi.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 175/2016/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2016 về “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con, trách nhiệm trả nợ chung khi ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Thạnh Hòa 2, xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn: Anh Lê Thiên Lý, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn Thạnh Hòa 2, xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) Việt Nam. Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Do ông Nguyễn Dương Quang, chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Phú Ninh đại diện theo ủy quyền, theo quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc NHCSXH Việt Nam và Quyết định số 25/QĐ-NHCS ngày 14/3/2017 của Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Phú Ninh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU⁽⁹⁾**

.....

.....
Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

(1) Ghi tên Tòa án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh H).

(2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện S, thành phố H).

(3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

(4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.

(5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi “TLST”, nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi “TLPT”; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.

(8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lệ công bằng (nếu có).

(9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.